

SỞ GDĐT TỈNH BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT BÀU BÀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 115/QĐ-THPTBB

Bàu Bàng, ngày 12 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu thu chi đến quý 1 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT BÀU BÀNG

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ số liệu thu chi ngân sách quý 1 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý 1 năm 2025
(Kèm theo biểu số 3 và báo cáo tình hình thực hiện dự toán quý 1 năm 2025)

Điều 2: Bộ phận tài chính theo dõi và thực hiện theo quyết định đã ban hành.

Điều 3: Ban giám hiệu Trường THPT Bàu Bàng và các bộ phận có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Công khai toàn thể HĐSP;
- Lưu VT.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Tấn Bình

Đơn vị: Trường THPT Bàu Bàng
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bàu Bàng, ngày 12 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý I năm 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	2,730			
1	Phí	2,730			
	Học phí	2,730			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16,338	3,858	23.62	
I	Nguồn ngân sách trong nước	16,338	3,858	23.62	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16,338	3,858	23.62	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14,297	3,303	23.10	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2,041	555	27.22	

Ngày 12 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị
(Chữ ký, dấu)



Phạm Tấn Bình

Bàu Bàng, ngày 12 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN QUÝ I NĂM 2025

Biên chế được giao năm 2025: 88 (Biên chế 84, Hợp đồng 68: 4)

Biên chế thực hiện đến 31/03/2025: 77 (biên chế 73, hợp đồng 68: 4)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện dự toán đến quý I năm 2024	Dự toán còn lại	Tỷ lệ % KP thực hiện/ Dự toán
1	2	3	4	5	6
A	Kinh phí năm trước chuyển sang	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên	-		-	
1	Nguồn 13	-		-	
2	Nguồn 14			-	0%
B	Dự toán năm nay	15,647,000,000	3,871,114,485	11,418,885,515	25%
I	Kinh phí chi thường xuyên	13,606,000,000	3,302,895,125	9,946,104,875	24%
I.1	Nguồn 13	12,894,000,000	3,302,895,125	9,591,104,875	26%
1	Chi cho con người		3,136,659,695		
1.1	Lương		1,776,586,535		
1.2	Lương hợp đồng		47,688,000		
1.3	Phụ cấp lương		798,806,222		
1.4	Các khoản đóng góp		513,578,938		
1.5	Tăng thu nhập				
1.6	Thanh toán cá nhân				
2	Chi cho công việc		166,235,430		
2.1	Phúc lợi tập thể: Tiền nước				
2.2	Các khoản thanh toán cá nhân (Tiền ngoài trời GVTD.QP)				
2.3	Thanh toán dịch vụ công cộng: Tiền điện, vệ sinh môi trường (Điều chỉnh sang nguồn thu)		81,762,327		
2.4	Vật tư văn phòng: khoản VPP, vật tư văn phòng khác				
2.5	Thông tin tuyên truyền liên lạc		4,674,303		
2.6	Công tác phí		6,000,000		
2.7	Thuê mướn: nhân viên phục vụ, thuê mướn khác		53,568,000		
2.8	Sửa chữa:		19,905,200		
2.9	Mua sắm				
2.10	Nghiep vụ chuyên môn: Sổ đầu bài, giấy khen, dụng cụ vệ sinh, băng rôn				
2.11	Chi khác:		325,600		
2.12	Chi công tác Đảng				
2	Kinh phí tiết kiệm	-	-	-	
	Quỹ bổ sung thu nhập				
	Quỹ phúc lợi				
	Quỹ khen thưởng				
	Quỹ PTSN				
II	Kinh phí chi không thường xuyên	2,041,000,000	568,219,360	1,472,780,640	28%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Thực hiện dự toán đến quý I năm 2024	Dự toán còn lại	Tỷ lệ % KP thực hiện/ Dự toán
1	Chi cho con người		158,499,360		
	Chi thêm giờ				
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học				
	Chi các khoản thanh toán cá nhân (hỗ trợ ngoài khoán)		158,499,360		
2	Chi cho công việc		52,720,000		
	Chi thuê đào tạo, thuê xe, phòng thi đấu TDTT		52,720,000		
	Chi sửa chữa bảo trì camera thi TN THPT				
	Chi nghiệp vụ chuyên môn: Bồi dưỡng HSG, KP thi THPT, TS10,				
	Cấp bù học phí				
3	Nguồn 18 (Khen thưởng NĐ73)	712,000,000	357,000,000	355,000,000	
III	Nguồn hoạt động khác được để lại	-	-	-	
III.1	Buổi 2	-	-	-	
1	Chi cho con người	-	-	-	
	80% dạy và quản lý				
2	Thuế			-	
3	Cơ sở vật chất	-	-	-	
	Tồn				
	Thu				
	Điều chỉnh tiền điện			75,902,718	
III.2	Học phí	646,990,000	-	646,990,000	0%
1	Cải cách tiền lương		-		
2	Hoạt động	646,990,000	-		
	Tồn 2023	1,318,000			
		645,672,000			
III.3	Bán trú	227,360,000	210,341,320	17,018,680	93%
	Tồn 2025	-		-	
	Thu 2025	222,812,800	210,341,320	12,471,480	
	Thuế 2025	4,547,200		4,547,200	

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Phạm Tấn Bình